

## Văn mẫu Quan niệm văn học của Cao Bá Quát

### **BÀI LÀM**

**C**ao Bá Quát là nhà thơ lỗi lạc thời trung đại, chẳng những sáng tác hết sức dồi dào mà quan niệm về văn học cũng có nhiều điều mới mẻ so với thời đại của ông. Trong điều kiện tư liệu còn hạn chế, tập 2 Toàn tập Cao Bá Quát chưa xuất bản, chúng tôi xin đưa ra đôi điều nhận xét sơ bộ.

Trước hết là quan niệm của ông về mối quan hệ giữa văn chương và quốc ngữ. Quốc ngữ là tiếng nói của dân tộc, còn văn chương là ngôn từ nghệ thuật, văn học, hai phạm vi khác nhau. Nói về quốc ngữ, quan điểm của Cao Bá Quát thực rõ ràng. Ông viết: “Sống ở đất này, có thể bỏ được tiếng quốc ngữ không? Không bỏ được. Đọc sách quốc ngữ, có thể bỏ được truyện Hoa tiên và Kim Vân Kiều không? Không bỏ được. Ôi, người xưa đã đem tâm chí đúc chuốt thành lời hay ý đẹp, cốt để chấp lòng nội cánh cho văn chương của ta, mà lại coi thường được sao?”(1).

Sưu tầm

Quốc ngữ không thể bỏ. Quốc ngữ lại được trau chuốt làm nền tảng cho văn chương nước nhà như Hoa tiên, Kim Vân Kiều là điều không thể phủ nhận, không ai phủ nhận.

Vậy có thể lấy quốc ngữ làm văn chương được không? Câu trả lời tưởng đã có từ thời

Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm rồi, ai ngờ bây giờ lại được đặt ra lại. Quan điểm của Cao Bá Quát hình như còn có chỗ chưa dứt khoát. Một mặt ông thận trọng suy nghĩ:

“Than ôi, lấy quốc ngữ làm văn chương thì ta chưa dám, nhưng lấy văn chương mà coi quốc ngữ thì ta có phần tán thành.” Ông chưa dám lấy quốc ngữ làm văn chương, Nhưng mặt khác ông đã thấy quá trình văn Nôm phát triển: “Nước ta từ sau Hàn Thuyên, các tác gia mọc lên như rừng: Ôn Như Hầu làm thơ cổ khuôn mẫu ngang với Thiệu Lăng; Bằng quận công(2) đặt điệu cung từ, giọng ruỗi không nhường Hán Ngụy; đến như văn hay của truyện khúc nay ta đã được thấy Hoa Tiên và Kim Vân Kiều. Như vậy chỉ coi quốc ngữ là quốc ngữ thì hai cuốn truyện này không có cũng được, nhưng nếu phải cần tiên lên, tìm cách làm cho rõ thể nào là văn chương của ta, thì các bạn cùng yêu văn với ta nghĩ sao đây?” thì có vẻ như ông còn lưỡng lự. Thế nghĩa là lấy văn chương mà đánh giá quốc ngữ thì ông có phần tán thành, bởi vì đã có Hoa Tiên và Kim Vân Kiều làm chứng. Nhưng lấy quốc ngữ làm văn chương thì ông vẫn hoài nghi. Vì sao lại chưa dám? Rõ ràng không phải quốc ngữ chưa đủ phẩm chất để làm văn chương. Lí do có lẽ là vì lúc này quốc ngữ chưa có những áng văn xuôi có thể sánh ngang với Hán văn. Xét về mặt này thì sự ngập ngừng của họ Cao có thể hiểu được, bởi vì phải đến đầu thế kỉ XX chúng ta mới có văn xuôi quốc ngữ dưới dạng quốc văn mới. Khi quốc ngữ chỉ mới có văn vần mà chưa có

văn xuôi thì nó chưa thể làm được văn chương hoàn bị. Dù sao một sự ngập ngừng đã làm cho ở thế kỉ của Cao Bá Quát, một khẩu hiệu dùng quốc ngữ để sáng tác văn chương là chưa thể đề xuất ra được, phải đợi đến đầu thế kỉ XX. Cũng có thể vì thời nhà Nguyễn quá đề cao chữ Hán, độc tôn nho học. Phải chăng văn chương đây còn có nghĩa là văn bản dùng trong hệ thống nhà nước, trong thi cử, cho nên theo tác giả vẫn nên dùng chữ Hán tốt hơn. Thực tế thơ văn của ông cũng cho thấy, tuy sáng tác chữ Nôm rất hay, nhưng hầu hết sáng tác của Cao Bá Quát, bao gồm hàng nghìn bài đều làm bằng chữ Hán. Ông vẫn coi trọng chữ Hán hơn chữ Nôm. Quan niệm ấy đã hạn chế sáng tác chữ Nôm của ông, một nhà thơ tài hoa, không thể không lấy làm tiếc cho văn học nước nhà.

Nhìn chung quan niệm văn chương của Cao Bá Quát về cơ bản là quan niệm văn học nho gia. Trong bài Đọc Kinh Thi ông tâm niệm: “Làm thơ Tang hồ để nghĩ đến người thiện, Hát chương Thập linh vì nhớ đến người hiền. Ngìn năm sau, ai đã nói được âm điệu, Lòng những muốn trông làm khuôn mẫu”...

Nhưng ông là người yêu tự do: “Chiếc nón nghênh ngang lẫn với đời, “Giang ngoại xuân” dạo hát thành thoi - Chịu sao nổi mái nhà thấp khúm núm cúi gờng theo ý người”...

Vì thế về nội dung văn học, Cao Bá Quát đã có quan niệm cởi mở. Ông phản đối những kẻ “khinh bạc”, xem Hoa Tiên là “lời văn dâm đãng, khúc hát lẳng lơ”, “thực đáng buồn cười”. Ông coi trọng chữ tình trong văn chương: “Xưa nay nỗi khổ của người ta không gì bằng chữ tình”, trong truyện Hoa Tiên “chữ tình được thể hiện sâu sắc, đến như tan hợp, buồn vui, vị trí cảnh ngộ thực éo le kì lạ, lời nói thì bi tráng, văn viết thì trầm hùng, những cái đó khác nào như bụi bặm, cám bã mà đem hun đúc thành gạch ngói, giúp đỡ các tác giả, khiến cho sau này truyện Kim Vân Kiều có thể xuất hiện”(3). Ở đây không thể không đánh giá cao quan điểm tiên bộ và quan điểm lịch sử của Cao Bá Quát.

Điểm nổi bật nhất là Cao Bá Quát phê bình thơ đương thời thiếu cá tính sáng tạo, ý thức tự chủ còn thấp. Trong bài Tựa viết cho tập thơ của Miên Thâm, ông viết: “Tôi nghĩ, thơ thật khó nói. Quốc công cũng biết rồi. Hiện nay cái học khoa cử in sâu vào người ta đã mấy trăm năm, tiếng vang của phong nhã hầu như đã tắt hẳn. Quốc triều ta trị giáo sáng sủa, các tác gia lại nổi gót mà ra đời. Nhưng vì cái thói uỷ mị, yếu ớt còn rơi rớt lại, ít có người tự thoát ra được: người kém thì khổ vì nổi làm theo mẫu, dễ dãi; người có hào khí thì mắc vào bệnh nuốt sống, bắt tươì. Có những người sức học gọi là dồi dào, hí hứng tự đắc, thì chỉ muốn vơ vét trăm nhà, thâu tóm mọi thể, thành ra mô phỏng quá nhiều mà phong cốt chưa cao, tô điểm có khéo, nhưng tinh thần còn thấp”(4).

Trong bài thơ Văn tất kỉ xuất (Văn phải tự mình làm ra), ông càng phê bình gay gắt hơn khuyết điểm ấy và khẳng định mạnh mẽ tinh thần tự sáng tạo. Bài thơ viết: Đâu cần tài chạm khắc - Làm văn tế cá sông - Tu từ lòng thành thật - Màu sắc phải siêu quần - Đạo văn là cặn bã - Ý mới trong điển phân - Lời cũ diệt như cỏ - Tứ lạ vút từng không - Theo mẫu tự bơi bản - Tiền cũ chẳng ai cần - Lời thật nên tác giả - Ngòi bút quét nghìn quân - Tự đắc khác đồng đắc - Lời viết theo người khác - Chỉ đáng cúng quý thần - Dám gửi trọn ước mong(5).

Ông đã kích mạnh mẽ: kẻ đạo văn chỉ là loại cặn bã; kẻ làm theo mẫu chỉ là tự bơi bản mình, văn ấy như đồng tiền cũ không ai dùng; lời cũ phải đẩy bỏ đi như cỏ, không đáng tiếc, có thể cái mới lạ mới có dịp được khẳng định; nói theo người khác rậm rạp thì chỉ dùng làm đồ cúng. Chẳng phải lời cúng thì muôn người gàn như nói giống nhau đó sao? Trong thời trung đại ý thức tác giả chưa cao, làm văn thơ thường hay vay mượn, sao chép, có ý tưởng như Cao Bá Quát thật là một tư tưởng mới mẻ, hiếm có, và cũng chưa có ai lên án tệ sao chép, đạo văn, ít sáng tạo mạnh mẽ như Cao Bá Quát.

Ông chủ trương làm văn lòng phải thành thật, nảy sinh tự lòng mình. Tư tưởng này mới nhìn thì không mới, bởi từ xưa trong Kinh Dịch trong quẻ càn đã có câu: “Tu từ lập kì thành”. Nghĩa là lựa chọn từ ngữ biểu cảm phải đứng vững trên sự chân thành, lòng thành thực của người viết. Nhưng Cao Bá Quát đề ra yêu cầu cao hơn: Màu sắc phải siêu quần, tứ lạ vút tâng không. Cái “thành” đó phải dựa vào “tự đắc” có tính cá nhân, phân biệt với “đồng đắc” có tính chất tập thể (tức “cộng cảm”), có nghĩa là mỗi người phải có cái riêng (tức “độc cảm”) không lặp lại với người khác. Tất nhiên tự đắc không loại trừ “đồng đắc”, mà có liên hệ nội tại. Chúng ta bây giờ một thời gian dài hầu như chỉ nhấn mạnh tới “đồng đắc”, vẫn lấy quần chúng làm chuẩn, trong khi Cao Bá Quát chủ trương “siêu quần”, vượt lên đám đông bình quân chủ nghĩa. Ông lại chủ trương nói thật (chân) mới làm nên tác giả, có lẽ cái thật trong văn học là phát hiện riêng, “tự đắc” của mỗi người, không phải là cái thật chung chung, cái “đồng đắc”.

Quan niệm văn phải tự mình nhà văn mà ra mới nhìn có nét tương đồng với quan niệm “văn như kì nhân” trong lí luận văn học cổ điển Trung Quốc hay “phong cách ấy là con người” của Buffon thế kỉ XVII nhưng xét ra Cao Bá Quát nói về tính độc sáng trong sáng tác. Văn như kì nhân nhấn mạnh đến văn của người ở lâu son gác tía thì khác với văn của

người ở lầu tranh cửa sài, văn của người chí ở miếu đường thì khác văn của người chí ở nơi điền dã. Phong cách ấy là con người thì khẳng định văn phong gắn với cách tư duy của mỗi người: người tư duy mạch lạc thì văn sáng sủa, người tư duy rối rắm thì văn tù mù. Còn vấn đề của Cao Bá Quát là văn phải tự mình viết ra, không được sao chép, vay mượn, đồ lại của người khác.

Ông chủ trương làm thơ tự nhiên, không đẽo gọt. Trong bài thơ Đứng là mưa giục thơ, ông hình dung trận mưa gợi cho ông từ ý tứ tới nhịp điệu, ngôn ngữ: Đầy trời mưa đúng lúc - Giúp ta có hứng ngâm - Chèo thuyền giục tay bút - Đồi khách thơ mới ra - Tinh thần tràn mặt giấy - Tí tách vó ngựa phi - Ngân hà tranh rửa bút - Tầm sét mượn tu từ - Khắc lời nghĩ theo gió - Ngọc nảy kết ý hay - Rào rào tiếng vang dội - Lời chọn thấm đẫm tình - Chắc sớm tìm li châu - Chỉ sợ nâng chén muộn - Trong mắt chẳng ai hơn - Chỉ mơ màng ông Đỗ(6). Trong khi làm thơ các yếu tố của mưa đều gợi ra các khâu của việc làm thơ, chẳng hạn chèo thuyền gợi tay đưa bút nhẹ, nước chảy gợi tinh thần lai láng, tiếng tí tách gõ song gợi nhịp thơ như ngựa chạy, gió thổi như phóng tưởng, tầm sét ví như chọn lựa lời thơ, mưa thấm ướt ví như lời thấm thía. Nhà thơ để lòng hư không để cho tự nhiên vận hành trong tâm hồn. Bài thơ thể hiện “thi pháp tự nhiên”, nghĩa là thơ học theo phép



của tự nhiên.

Có lẽ do quan niệm thơ chân thành, tự nhiên, có cá tính sáng tạo, phản đối bất chước mà

Cao Bá Quát có cách lựa chọn hình thức thơ cho mình. Thơ tiếng Việt ông thích thể hát

nói, thơ chữ Hán ông thích thơ ca, hành, cổ phong, những thể thơ tự do, ít làm thơ luật.

Đây là điểm có khác Nguyễn Du. Thơ chữ Hán Nguyễn Du có 249 bài, trong đó có 22 bài

ca hành, cổ phong, bằng 8,8%, trong khi đó thơ chữ Hán của Cao Bá Quát (Toàn tập, tập

1) có 418 bài, trong đó có 77 bài cổ phong, ca hành, tương đương 18,4%, nhiều hơn gấp

đôi.

Có thể khẳng định rằng, mặc dù quan niệm hoài nghi văn chương chữ Nôm đã hạn chế

sáng tác thơ Nôm của nhà thơ, song quan niệm thích tự do, trọng cá tính sáng tạo là nhân

tố cơ bản làm nên giá trị tư tưởng và nghệ thuật của thơ Cao Bá Quát.